

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THẢO NGUYÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THẢO NGUYÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAO NGUYEN INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THAO NGUYEN IT JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109107431

3. Ngày thành lập: 26/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

đội 1 thôn Lam Điền, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0799328999

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Điều hành tua du lịch	7912
2.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại loại trừ: kinh doanh vàng trang sức, kinh doanh vàng miếng	4662(Chính)
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
8.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
13.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
14.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
15.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17.	Cho thuê xe có động cơ	7710
18.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải loại trừ: tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không	5229
20.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
21.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
22.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
23.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
26.	Đại lý du lịch	7911
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất chi tiết: sàn giao dịch bất động sản	6820
29.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
30.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
31.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
32.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
33.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
35.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
37.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
38.	Xây dựng nhà để ở	4101
39.	Xây dựng nhà không để ở	4102
40.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
41.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42.	Xây dựng công trình điện	4221
43.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
44.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
45.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
46.	Xây dựng công trình thủy	4291
47.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
48.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
50.	Phá dỡ	4311
51.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
56.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
57.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
61.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu loại trừ: hoạt động của những nhà báo độc lập, thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, tư vấn chứng khoán	7490
62.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
63.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
64.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Khai thác gỗ	0220
67.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
68.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
69.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
70.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
71.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
72.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
73.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
74.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ HIỀN	thôn Lam Điền, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	001185008957	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000		
2	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	thôn Ngoại Hoàng, Xã Lưu Hoàng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	017042534	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

3	NGUYỄN QUỲNH MAI	H2404 CT7 khu đô thị mới Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	001188024476
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000	
4	LÊ DUY THÌN	H2404 CT7 khu đô thị mới Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	001088006512
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001185008957

Ngày cấp: 08/01/2016

Nơi cấp: *cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia cư dân*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *thôn Lam Điền, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *thôn Lam Điền, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội